

MỘT SỐ ĐIỂM MỚI ĐÁNG LƯU Ý CỦA LUẬT CƯ TRÚ NĂM 2020

ThS. Phạm Duy Ngọc¹

Đặt vấn đề

Trước nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự trong tình hình mới và yêu cầu quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền công dân và chủ trương đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư cùng với việc ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến vào đăng ký, quản lý cư trú, tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XIV ngày 13/11/2020, với 93,15% đại biểu đã biểu quyết thông qua Luật Cư trú năm 2020, Luật Cư trú năm 2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2021.

Luật Cư trú 2020 được xây dựng nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật về cư trú bảo đảm phù hợp với chủ trương cải cách hành chính và tiến trình hội nhập, mở rộng giao lưu, hợp tác quốc tế trong điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xu thế hội nhập quốc tế hiện nay; thực hiện chủ trương hiện đại hóa và đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến công tác quản lý dân cư; bảo đảm tốt hơn nữa tính công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho công dân thực hiện quyền tự do cư trú và tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về cư trú; bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật quy định về các giấy tờ của công dân; đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội, góp phần phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội của đất nước².

Luật Cư trú năm 2020 gồm 7 chương với 38 điều có một số điểm mới đáng chú ý như sau:

1. Sửa đổi khái niệm về lưu trú

Theo Khoản 6 Điều 2 Luật Cư trú năm 2020 thì *Lưu trú là việc công dân ở lại một địa điểm không phải nơi thường trú hoặc nơi tạm trú trong thời gian ít*

¹ Giảng viên Khoa Luật, Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh

² Nội dung tờ trình xây dựng dự án Luật Cư trú sửa đổi trước Quốc hội ngày 22/4/2020 của Bộ Công an.

hơn 30 ngày. Điều 31 Luật Cư trú năm 2006 thì Lưu trú là việc công dân ở lại trong một thời gian nhất định tại địa điểm thuộc xã, phường, thị trấn ngoài nơi cư trú của mình và không thuộc trường hợp phải đăng ký tạm trú.

2. Quản lý công dân trên cơ sở dữ liệu về dân cư

Luật Cư trú năm 2020 quy định quản lý cư trú (tạm trú, thường trú) bằng công nghệ thông tin thay thế phương thức thủ công bằng sổ giấy theo Luật Cư trú năm 2006. Với quy định mới, từ ngày 01/07/2021, khi người dân thực hiện thủ tục đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, cơ quan đăng ký cư trú có trách nhiệm thẩm định, cập nhật thông tin về nơi thường trú, tạm trú mới của người đăng ký vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, bằng việc sử dụng mã số định danh cá nhân để truy cập, cập nhật, điều chỉnh trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên mạng internet, theo đó mỗi người dân chỉ cần mang theo Căn cước công dân hoặc cung cấp mã số định danh cá nhân cho cơ quan chức năng để thực hiện các thủ tục hành chính khi cần thiết.

3. Bổ sung thêm trường hợp hạn chế quyền cư trú của công dân

Luật Cư trú năm 2006 quy định 03 trường hợp công dân bị hạn chế quyền cư trú được quy định tại Điều 10³. Bên cạnh các trường hợp bị hạn chế cư trú của Luật Cư trú năm 2006, Luật Cư trú năm 2020 bổ sung thêm nhiều trường hợp công dân bị hạn chế quyền cư trú, cụ thể: (i) Người bị cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, biện pháp tạm giữ, tạm giam; người bị kết án phạt tù nhưng chưa có quyết định thi hành án hoặc đã có quyết định thi hành án nhưng đang tại ngoại hoặc được hoãn chấp hành án, tạm đình chỉ chấp hành án; người bị kết án phạt tù được hưởng án treo đang trong thời gian thử thách; người đang chấp hành án phạt tù, cấm cư trú, quản chế hoặc cải tạo không giam giữ; người được tha tù trước thời hạn có điều kiện đang trong

³ Điều 10. Các trường hợp bị hạn chế quyền tự do cư trú

1. Người bị cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.
2. Người bị Tòa án áp dụng hình phạt cấm cư trú; người bị kết án phạt tù nhưng chưa có quyết định thi hành án, được hưởng án treo hoặc đang được hoãn, tạm đình chỉ thi hành án phạt tù; người đang bị quản chế.
3. Người bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục nhưng đang được hoãn chấp hành hoặc tạm đình chỉ thi hành.

thời gian thử thách; (ii) Người đang chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng; người phải chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng nhưng đang được hoãn chấp hành hoặc tạm đình chỉ chấp hành; người bị quản lý trong thời gian làm thủ tục xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng; (iii) Người bị cách ly do có nguy cơ lây lan dịch bệnh cho cộng đồng; (iv) Các trường hợp khác theo quy định của luật.

4. Thống nhất điều kiện đăng ký thường trú trong toàn quốc

Luật Cư trú năm 2020 đã bỏ các quy định riêng về điều kiện đăng ký thường trú tại thành phố trực thuộc Trung ương. Theo đó từ 01/7/2021, việc đăng ký thường trú của công dân tại các 63 tỉnh, thành phố trong cả nước là như nhau. Quy định này nhằm tạo sự bình đẳng trong quản lý cư trú đối với mọi công dân, bảo đảm quyền tự do cư trú của công dân theo Hiến pháp 2013. Với quy định mới này, người dân sẽ dễ dàng nhập hộ khẩu tại thành phố Hà Nội hoặc thành phố Hồ Chí Minh hơn trước đây rất nhiều.

5. Rút ngắn thời hạn giải quyết đăng ký thường trú

Thời hạn thẩm định, cập nhật thông tin về nơi thường trú mới của người đăng ký vào Cơ sở dữ liệu về cư trú của người công dân quy định tại khoản 3 Điều 22 Luật Cư trú năm 2020 được rút ngắn còn thời hạn 07 làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, so với thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo Luật Cư trú 2006.

6. Bãi bỏ nhiều thủ tục liên quan đến Sổ hộ khẩu

Theo Luật Cư trú năm 2020, từ ngày 01/7/2021 sẽ không cấp mới, cấp lại sổ hộ khẩu, sổ tạm trú. Do đó, nhiều thủ tục liên quan đến sổ hộ khẩu, sổ tạm trú cũng sẽ thay đổi, cụ thể: (i) Bỏ thủ tục tách sổ hộ khẩu thay vào đó cơ quan đăng ký cư trú sẽ cập nhật, điều chỉnh thông tin về hộ gia đình liên quan đến việc tách hộ trong Cơ sở dữ liệu về cư trú và thông báo cho người đăng ký về việc đã cập nhật thông tin này; (ii) Bỏ thủ tục điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu và

thay vào đó cơ quan đăng ký cư trú có trách nhiệm điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú khi người dân thay đổi chủ hộ, thay đổi thông tin về hộ tịch, thay đổi địa chỉ nơi cư trú.

7. Lưu trú dưới 30 ngày không cần đăng ký tạm trú

Từ ngày 01/7/2021, thì *Công dân đến sinh sống tại chỗ ở hợp pháp ngoài phạm vi đơn vị hành chính cấp xã nơi đã đăng ký thường trú để lao động, học tập hoặc vì mục đích khác từ 30 ngày trở lên thì phải thực hiện đăng ký tạm trú*⁴. Quy định này mở rộng thời gian đăng ký thường trú so với khoản 2 Điều 30 Luật Cư trú 2006, thì trong thời hạn 30 ngày người đang sinh sống, làm việc, lao động, học tập tại một địa điểm thuộc xã, phường, thị trấn nhưng không thuộc trường hợp được đăng ký thường trú tại địa phương đó thì thực hiện việc đăng ký tạm trú tại Công an xã, phường, thị trấn.

8. Bổ sung trường hợp bị xóa đăng ký thường trú

Xuất phát từ thực tiễn và để nâng cao hiệu quả quản lý về cư trú, nắm đúng thực tế số hộ, số người thường trú trên địa bàn, phục vụ công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, hoạch định, thực hiện chính sách an ninh xã hội và bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của người có liên quan, Luật Cư trú năm 2020 đã bổ thêm một số trường hợp công dân sẽ bị xóa đăng ký thường trú như: (i) Chết; có quyết định của Tòa án tuyên bố mất tích hoặc đã chết; (ii) Đã có quyết định hủy bỏ đăng ký tạm trú quy định tại Điều 35 của Luật này; (iii) Vắng mặt liên tục tại nơi tạm trú từ 06 tháng trở lên mà không đăng ký tạm trú tại chỗ ở khác; (iv) Đã được cơ quan có thẩm quyền cho thôi quốc tịch Việt Nam, tước quốc tịch Việt Nam, hủy bỏ quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam; (v) Đã được đăng ký thường trú tại chính nơi tạm trú; (vi) Người đã đăng ký tạm trú tại chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ nhưng đã chấm dứt việc thuê, mượn, ở nhờ mà không đăng ký tạm trú tại chỗ ở khác; (vii) Người đã đăng ký tạm trú tại chỗ ở hợp pháp nhưng sau đó quyền sở hữu chỗ ở đó đã chuyển cho người khác, trừ trường hợp được chủ sở hữu mới đồng ý cho tiếp tục sinh sống tại chỗ ở đó; (viii) Người đăng ký tạm trú tại chỗ ở đã bị phá dỡ, tịch thu theo quyết định của

⁴ Khoản 1 Điều 37, Luật Cư trú năm 2020

cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tại phương tiện đã bị xóa đăng ký phương tiện theo quy định của pháp luật.

9. Vẫn tiếp tục được sử dụng hộ khẩu giấy đến hết ngày 31/12/2022

Theo đó, kể từ ngày 01/7/2021, Luật Cư trú năm 2020 có hiệu lực, sổ hộ khẩu, sổ tạm trú đã được cấp vẫn được sử dụng và có giá trị như giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú cho đến hết ngày 31/12/2022.

Trường hợp thông tin trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú khác với thông tin trong Cơ sở dữ liệu về cư trú thì sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu về cư trú và nếu công dân đăng ký, khai báo cư trú dẫn đến thay đổi thông tin trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú thì thu hồi sổ đã cấp, điều chỉnh trong Cơ sở dữ liệu về cư trú, không cấp mới, cấp lại sổ hộ khẩu, sổ tạm trú.

10. Bổ sung thêm trường hợp phải khai báo tạm vắng

Bên cạnh việc công dân khai báo tạm vắng thuộc các trường hợp đi khỏi phạm vi đơn vị hành chính cấp xã nơi đang cư trú từ 01 ngày trở lên đối với bị can, bị cáo đang tại ngoại; người bị kết án phạt tù nhưng chưa có quyết định thi hành án hoặc đã có quyết định thi hành án nhưng đang tại ngoại hoặc được hoãn chấp hành án, tạm đình chỉ chấp hành án; người bị kết án phạt tù được hưởng án treo đang trong thời gian thử thách; người đang chấp hành án phạt quản chế, cải tạo không giam giữ; người được tha tù trước thời hạn có điều kiện đang trong thời gian thử thách; Người đang chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; người phải chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng nhưng đang được hoãn chấp hành hoặc tạm đình chỉ chấp hành; người bị quản lý trong thời gian làm thủ tục xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng; Đi khỏi phạm vi đơn vị hành chính cấp huyện nơi đang cư trú từ 03 tháng liên tục trở lên đối với người trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự hoặc người đang phải thực hiện các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, kể từ ngày 01/7/2021, công dân *đi khỏi phạm vi đơn vị hành chính cấp xã nơi thường trú từ 12 tháng liên tục trở lên đối với người không thuộc*

trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản này, trừ trường hợp đã đăng ký tạm trú tại nơi ở mới hoặc đã xuất cảnh ra nước ngoài.

Việc khai báo tạm vắng được thực hiện tại cơ quan đăng ký cư trú nơi người đó cư trú hoặc khai báo qua điện thoại, phương tiện điện tử hoặc phương tiện khác. Đối với người chưa thành niên khai báo tạm vắng thì người thực hiện khai báo là cha, mẹ hoặc người giám hộ.

11. Bán nhà có thể bị xóa đăng ký thường trú

Ngoài những quy định bị xóa đăng ký thường trú của công dân khi: Chết; có quyết định của Tòa án tuyên bố mất tích hoặc đã chết; Ra nước ngoài để định cư; Đã có quyết định hủy bỏ đăng ký thường trú; Vắng mặt liên tục tại nơi thường trú từ 12 tháng trở lên mà không đăng ký tạm trú tại chỗ ở khác hoặc không khai báo tạm vắng, trừ trường hợp xuất cảnh ra nước ngoài nhưng không phải để định cư hoặc đang chấp hành án phạt tù, chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng...Thì từ ngày 01/7/2021 công dân có thể bị xóa đăng ký thường trú khi bán nhà (chuyển giao quyền sở hữu chỗ ở) mà sau 12 tháng kể từ ngày bán nhà chưa đăng ký thường trú ở chỗ ở mới trừ trường hợp: (i) Được chủ sở hữu mới đồng ý tiếp tục cho thuê, mượn, ở nhờ và cho đăng ký thường trú tại chỗ đó; (ii) Được chủ nhà mới đồng ý cho giữ đăng ký thường trú tại chỗ ở đó.

12. Giảm thiểu giấy tờ khi đề nghị cấp Phiếu lý lịch tư pháp

Từ ngày 01/7/2021, công dân có yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 chỉ cần chuẩn tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp và bản chụp giấy Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc hộ chiếu mà không cần phải có bản chụp sổ hộ khẩu hoặc giấy chứng nhận thường trú hoặc tạm trú của mình.

Tự do đi lại, cư trú là một trong những quyền cơ bản của con người, của công dân đã được ghi nhận trong các bản Hiến pháp của Nhà nước ta và được cụ thể hóa trong các văn bản quy phạm pháp luật về cư trú với những quy định cụ thể về điều kiện, thủ tục đăng ký cư trú, qua đó tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho công dân được thực hiện quyền tự do cư trú, lựa chọn nơi cư trú.

Mong muốn Luật Cư trú năm 2020 góp phần: đảm bảo tốt hơn nữa quyền tự do cư trú của công dân; nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự trong tình hình mới; đơn giản hóa thủ tục hành chính, quan đến công tác đăng ký, quản lý cư trú của công dân; đáp ứng yêu cầu ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến trong công tác quản lý cư trú; tạo điều kiện thuận lợi hội nhập quốc tế trong lĩnh vực tư pháp, hành chính.

Tài liệu tham khảo

- Luật Cư trú năm 2006
- Luật Cư trú năm 2020
- <http://bocongan.gov.vn/van-ban/van-ban-moi/nhung-noi-dung-co-ban-va-mot-so-diem-moi-cua-luat-cu-tru-nam-2020-523.html>
- <https://thanhvien.vn/thoi-su/mot-so-quy-dinh-moi-cua-luat-cu-tru-2020-co-hieu-luc-tu-ngay-172021-1381696.html>
- <https://congan.ninhbinh.gov.vn/bai-tuyen-truyen-luat-cu-tru-sua-doi/>